

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN V THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **244/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 08 - 7 - 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN V THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Trương Huỳnh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Vũ Bằng.

Bà Lê Trường An.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Phạm Bích T, sinh năm 1987.

***- Bị đơn:*** Anh Võ Việt T1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:*** Vào năm 2005 chị T và anh T1 tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Võ Khánh V, sinh 30/11/2006 và Võ Thiện V, sinh 02/6/2015. Về tài sản chung có nhưng tự thỏa thuận và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không sống chung hơn 01 năm, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại, chị T xác định cuộc sống vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc.

Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1. Về con chung yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 03/6/2022 có tại hồ sơ, thể hiện:** Cháu Võ Khánh V và cháu Võ Thiện V có nguyện vọng được sống với chị Phạm Bích T.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh T1 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị T và anh T1 không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh T1 là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] *Về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Võ Khánh V và cháu Võ Thiện V đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến các cháu thì các cháu có nguyện vọng được sống với chị T, đồng thời chị T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, do đó cần giao các cháu cho chị T trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T; nếu anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T1 không phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T cho rằng tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T1 về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh T1. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích T.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Bích T và anh Võ Việt T1 là vợ chồng.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Phạm Bích T trực tiếp nuôi dạy cháu Võ Khánh V, sinh 30/11/2006 và cháu Võ Thiện V, sinh 02/6/2015. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T; nếu anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Võ Việt T1 không phải cấp dưỡng cho con.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Bích T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004698 ngày 21/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

**3.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần V Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần V Thời;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Trương Huỳnh Hải**